

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Quách Văn Toàn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng C, xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Phạm Văn B; con bà: Lê Thị K; sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Mỹ L và có 01 con; tiền sự: Ngày 20/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 05/2019/QĐ-TA, đã chấp hành xong; tiền án: Ngày 15/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 19/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2020; nhân thân: Ngày 03/11/2015, bị Công an huyện NL ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội, phạt tiền 750.000đ về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt; Ngày 05/12/2018, bị UBND xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 01/QĐ-UBND do là đối tượng nghiện ma túy, đã chấp hành xong; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Phạm Thị TR; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn X, xã CN, huyện NL,

tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Lê Văn **T**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn **X**, xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại Lê Văn **T***: Bà Phạm Thị **TR**; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn **X**, xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Dương Ngọc **N**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu phố Lê Lai, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ *Người làm chứng*:

1. Chị Hà Thị **Q**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn **X**, xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị **QN**; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Làng **C**, xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Buổi sáng ngày 08/7/2021, Phạm Văn **Đ** mượn xe mô tô biển kiểm soát 36Z7-0169 của chị Phạm Thị **QN**, cùng địa chỉ Làng **C**, xã **CN**, huyện **NL** nói dùng để đi cắt cỏ.

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 08 tháng 7 năm 2021, **Đ** từ làng **C**, điều khiển xe mô tô đến nhà bà Phạm Thị **TR**, ở thôn **X**, xã **CN** là bác họ mục đích để xin quả mít, tới nơi **Đ** dừng xe ngoài cổng đi bộ vào trong, lúc này gia đình bà **TR** đang ăn cơm dưới bếp, trên nhà chính không có người trông coi. **Đ** phát hiện 02 chiếc điện thoại đang sạc pin trên bàn gần cửa sổ, nên nảy sinh ý định trộm cắp. **Đ** thò tay qua cửa sổ, rút dây xạc, lấy cả 02 chiếc điện thoại bỏ vào trong túi quần, rồi ra xe chạy thẳng về nhà. **Đ** cất giấu 01 chiếc Iphone vào trong tủ quần áo của mình, còn lại 01 chiếc điện thoại Vivo thì mang đến cửa hàng điện thoại ở phố **LL**, thị trấn **NL** hỏi bán cho Dương Ngọc **N**. Khi trao đổi mua bán **Đ** nói dối là điện thoại của mình, cần tiền nên bán, **N** đồng ý mua, trả tiền cho **Đ** 1.000.000đ.

Sau khi phát hiện gia đình bị mất tài sản, bà Phạm Thị **TR** và con trai là Lê Văn **T** đã đến Công an xã **CN** báo cáo sự việc. (Trong giai đoạn điều tra Lê Văn **T** đã có văn bản Ủy quyền cho mẹ đẻ là Phạm Thị **TR** tham gia giải quyết vụ án và nhận lại tài sản).

Nhận được tố giác, Công an xã **CN** tiến hành xác minh ban đầu, xác định đối tượng Phạm Văn **Đ** là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Công an xã **CN** chuyển hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện **NL** điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 17/KL-HĐĐG ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá kết luận: giá trị tài sản tại thời điểm trộm cắp là 3.790.000đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại khu phố **CT**, thị trấn **NL**, tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện **NL** phát hiện bắt quả tang Phạm Văn **Đ** có hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 gói giấy bạc, bên trong có 01 túi ni lông màu vàng, bên trong túi ni lông chứa chất bột màu trắng.

Tiến hành điều tra, xác minh Phạm Văn **Đ** khai nhận: Khoảng 11 giờ, cùng ngày **Đ** đi lang thang tại khu phố **CT**, thị trấn **NL**, mục đích tìm mua ma túy để sử dụng, gặp một người đàn ông, dáng người gầy, cao khoảng 1,70 mét, đeo khẩu trang. **Đ** chủ động đến bắt chuyện và hỏi mua ma túy, người này đồng ý bán, bảo **Đ** đứng chờ, khoảng 10 phút sau người đó quay trở lại đưa cho **Đ** 01 gói ma túy, **Đ** đưa cho người đàn ông 200.000đ, nhận tiền xong người này bỏ đi. Sau khi mua được ma túy **Đ** đang đứng chờ có xe qua lại để xin đi nhờ về nhà. Lúc này lực lượng Công an đang đi làm nhiệm vụ nhìn thấy **Đ** có dấu hiệu khả nghi, chuẩn bị tiến hành kiểm tra hành chính, nên **Đ** liền thả gói ma túy mới mua được xuống đất, ngay dưới chân tại vị trí **Đ** đang đứng thì bị phát hiện, Công an đã tiến hành bắt quả tang Phạm Văn **Đ** về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, niêm phong vật chứng, đưa người và tang vật về Công an huyện **NL** để xử lý theo quy định.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện **NL** tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn **Đ** tại làng **C**, xã **CN**, huyện **NL** nhưng không phát hiện và thu giữ được vật chứng có liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 2511/PC09 ngày 08/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,166g (Không phẩy một sáu sáu gam), loại: Heroine.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSNL ngày 07 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn **Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS để xử phạt Phạm Văn **Đ** mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS để xử phạt Phạm Văn **Đ** mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng Điều 55 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 24 tháng đến 30 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Anh Dương Ngọc N yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.000.000đ. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường đó, đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 08 tháng 7 năm 2021, bị cáo đi từ nhà đến nhà bà Phạm Thị **TR** để xin quả mít, tới nơi bị cáo dừng xe ngoài cổng đi bộ vào trong, lúc này gia đình bà **TR** đang ăn cơm dưới bếp, trên nhà chính không có người trong coi. Bị cáo phát hiện 02 chiếc điện thoại đang sạc pin trên bàn gần cửa sổ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo thò tay qua cửa sổ, rút dây xích, lấy cả 02 chiếc điện thoại bỏ vào trong túi quần, rồi ra xe chạy thẳng về nhà. Bị cáo cất giấu chiếc điện thoại Iphone vào trong tủ quần áo của mình, còn chiếc điện thoại Vivo thì đến cửa hàng điện thoại ở thị trấn **NL** bán cho Dương Ngọc N với giá 1.000.000đ.

Khoảng 11 giờ ngày 03 tháng 8 năm 2021, bị cáo đi lang thang tại khu phố **CT**, thị trấn **NL**, mục đích tìm mua ma túy để sử dụng thì gặp một người đàn ông, dáng người gầy, cao khoảng 1,70 mét, đeo khẩu trang. Bị cáo đến bắt chuyện và hỏi mua ma túy, người này đồng ý bán, bảo bị cáo đứng chờ, khoảng 10 phút sau người đó quay trở lại đưa cho bị cáo 01 gói ma túy, bị cáo đưa cho người đàn ông 200.000đ, nhận tiền xong người này bỏ đi. Sau khi mua được ma túy bị cáo đang đứng chờ có xe qua lại để xin đi nhờ về nhà thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, bị cáo thả gói ma túy mới mua được xuống đất, ngay dưới chân tại vị trí bị cáo đang đứng thì bị Công an phát hiện.

Trong quá trình điều tra:

Bị hại bà Phạm Thị **TR** và anh Lê Văn **T** trình bày: Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 7 năm 2021, gia đình đang ăn cơm ở nhà bếp, có để hai chiếc điện thoại ở bàn gỗ cạnh cửa sổ trên nhà. Sau khi ăn xong, lên nhà thì phát hiện bị mất 02 chiếc điện thoại đó, gia đình đã tìm xung quanh nhưng không thấy nên đã lên công an xã **CN** báo cáo sự việc. Bà **TR** đã được nhận hai chiếc điện thoại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Dương Ngọc N, người làm chứng chị Hà Thị **Q** và chị Phạm Thị **QN** thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Anh Dương Ngọc N yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền anh đã bỏ ra mua

lại chiếc điện thoại là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được **TR** tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 7 năm 2021, Phạm Văn **Đ** lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của gia đình bà Phạm Thị **TR**, quan sát thấy không có ai để ý, bị cáo đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y12S (V2026), vỏ màu xanh của bà Phạm Thị **TR** và anh Lê Văn **T**. Tài sản tại thời điểm bị cáo trộm cắp có giá trị 3.790.000đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại khu phố **CT**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện **NL** phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn **Đ** có hành vi tàng trữ trái phép 0,166g (Không phải một sáu sáu gam) Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[3] Về **T** tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội Trộm cắp tài sản: Bị cáo phạm tội có 01 **T** tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS và có 02 **T** tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các **T** tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là **T** tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Bị cáo phạm tội có 01 **T** tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 **T** tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các **T** tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, 01 tiền án. Nên cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly

khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Căn cứ khoản 1 điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Anh Dương Ngọc **N** yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.000.000đ. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường đó nên công nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho anh **N** 1.000.000đ.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu trắng, dung lượng bộ nhớ 64Gb, số Imel: 358375063535946; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y12S (V2026), vỏ màu xanh, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imel 1: 860671054177198; số Imei 2: 860671054177180. Sau khi định giá tài sản trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho bà Phạm Thị **TR** là đúng quy định của pháp luật.

Sô ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với chiếc xe mô tô mà bị cáo sử dụng để đi trộm cắp là xe của chị Phạm Thị **QN**, sinh năm: 1976 ở Làng **C**, xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Khi bị cáo hỏi mượn xe mô tô BKS 36Z7-0169, chỉ nói là để đi cắt cỏ nên chị **QN** không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô của gia đình mình làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau đó bị cáo đã trả lại xe mô tô cho chị **QN**. Quá trình điều tra xác định việc chị **QN** cho bị cáo mượn xe không liên quan đến hành vi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

[10] Đối với hành vi của anh Dương Ngọc **N**, là người đã mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO mà bị cáo trộm cắp được, khi trao đổi mua bán anh **N** không biết tài sản bị cáo bán cho mình là tài sản trộm cắp. Do vậy, hành vi của anh **N** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn **Đ**: khi gặp **Đ**, người đàn ông này đeo khẩu trang, bị cáo cũng không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này. Quá trình điều tra không xác định được người đã bán ma túy cho **Đ** nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **NL**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **NL**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn **Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Văn **Đ** 09 (Chín) tháng tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn **Đ** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Phạm Văn **Đ** 15 (Mười lăm) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả hai tội là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 03/8/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn **Đ** bồi thường cho anh Dương Ngọc **N** 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Từ khi anh **N** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 chiếc phong bì đóng dấu niêm phong và có chữ ký của những người có liên quan do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá phát hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/9/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện **NL**.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Phạm Văn **Đ** phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án này, anh **N** có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện **NL**;
- CQTHAHS CA huyện **NL**;
- VKSND huyện **NL**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Hoàn

Quách Văn Toàn

Nguyễn Thanh Tân

